

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

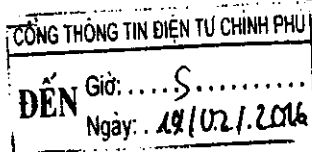
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46 /2016/QĐ-UBND

Đà Lạt, ngày 05 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016
trên địa bàn huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2016;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính; ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng để làm cơ sở:

1. Xác định giá đất cụ thể các loại đất (đất ở, đất phi nông nghiệp, đất nông nghiệp) theo qui định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 114, Khoản 2 Điều 172 và Khoản 3 Điều 189 của Luật Đất đai mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 10 tỷ đồng; cụ thể:

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; Tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân;

b) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức phải nộp tiền sử dụng đất;

c) Tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

d) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm;

đ) Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được chuyển sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê và phải xác định lại giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển sang thuê đất theo hình thức trả tiền một lần cho cả thời gian thuê;

e) Người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời gian sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án.

2. Xác định giá thuê đất thu tiền hàng năm cho trường hợp phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo; giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2015 trên địa bàn huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lâm Hà; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /-g

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Web VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Lâm Đồng;
- Như Điều 3;
- LĐ và CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Văn Việt

BẢNG HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2016
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2016/QĐ-UBND ngày 05/02/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:

1. Đất trồng cây hàng năm:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (1.000 đồng/m ²)			Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)		
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Thị trấn Đình Văn	30	24	15	1,2	1,1	1,0
2	Thị trấn Nam Ban	30	24	15	1,2	1,1	1,0
3	Xã Tân Văn	20	16	10	1,2	1,1	1,0
4	Xã Tân Hà	24	19	12	1,2	1,1	1,0
5	Xã Hoài Đức	24	16	10	1,2	1,1	1,0
6	Xã Tân Thanh	19	15	10	1,2	1,1	1,0
7	Xã Liên Hà	24	19	12	1,2	1,1	1,0
8	Xã Phúc Thọ	24	19	12	1,2	1,1	1,0
9	Xã Đan Phượng	19	15	10	1,2	1,1	1,0
10	Xã Gia Lâm	24	19	12	1,2	1,1	1,0
11	Xã Mê Linh	24	19	12	1,2	1,1	1,0
12	Xã Nam Hà	24	19	12	1,2	1,1	1,0
13	Xã Đông Thanh	24	19	12	1,2	1,1	1,0
14	Xã Phi Tô	24	19	12	1,2	1,1	1,0
15	Xã Đa Đồn	24	19	12	1,2	1,1	1,0
16	Xã Phú Sơn	24	19	12	1,2	1,1	1,0

2. Đất trồng cây lâu năm:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (1.000 đồng/m ²)			Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)		
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Thị trấn Đình Văn	37	31	21	1,2	1,1	1,0
2	Thị trấn Nam Ban	37	31	21	1,2	1,1	1,0
3	Xã Tân Văn	30	24	15	1,2	1,1	1,0
4	Xã Tân Hà	30	24	15	1,2	1,1	1,0
5	Xã Hoài Đức	30	24	15	1,2	1,1	1,0
6	Xã Tân Thanh	19	15	10	1,2	1,1	1,0

7	Xã Liên Hà	30	24	15	1,2	1,1	1,0
8	Xã Phúc Thọ	30	24	15	1,2	1,1	1,0
9	Xã Đan Phượng	19	15	10	1,2	1,1	1,0
10	Xã Gia Lâm	30	24	15	1,2	1,1	1,0
11	Xã Mê Linh	30	24	15	1,2	1,1	1,0
12	Xã Nam Hà	30	24	15	1,2	1,1	1,0
13	Xã Đông Thanh	30	24	15	1,2	1,1	1,0
14	Xã Phi Tô	30	24	15	1,2	1,1	1,0
15	Xã Dạ Đồn	30	24	15	1,2	1,1	1,0
16	Xã Phú Sơn	30	24	15	1,2	1,1	1,0

3. Đất nuôi trồng thủy sản:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (1.000 đồng/m ²)			Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)		
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Thị trấn Đình Văn	30	24	15	1,2	1,1	1,0
2	Thị trấn Nam Ban	30	24	15	1,2	1,1	1,0
3	Xã Tân Văn	20	16	10	1,2	1,1	1,0
4	Xã Tân Hà	24	19	12	1,2	1,1	1,0
5	Xã Hoài Đức	24	16	10	1,2	1,1	1,0
6	Xã Tân Thanh	19	15	10	1,2	1,1	1,0
7	Xã Liên Hà	24	19	12	1,2	1,1	1,0
8	Xã Phúc Thọ	24	19	12	1,2	1,1	1,0
9	Xã Đan Phượng	19	15	10	1,2	1,1	1,0
10	Xã Gia Lâm	24	19	12	1,2	1,1	1,0
11	Xã Mê Linh	24	19	12	1,2	1,1	1,0
12	Xã Nam Hà	24	19	12	1,2	1,1	1,0
13	Xã Đông Thanh	24	19	12	1,2	1,1	1,0
14	Xã Phi Tô	24	19	12	1,2	1,1	1,0
15	Xã Dạ Đồn	24	19	12	1,2	1,1	1,0
16	Xã Phú Sơn	24	19	12	1,2	1,1	1,0

4. Đất nông nghiệp khác:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (1.000 đồng/m ²)			Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)		
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Thị trấn Đình Văn	37	31	21	1,2	1,1	1,0
2	Thị trấn Nam Ban	37	31	21	1,2	1,1	1,0
3	Xã Tân Văn	30	24	15	1,2	1,1	1,0

4	Xã Tân Hà	30	24	15	1,2	1,1	1,0
5	Xã Hoài Đức	30	24	15	1,2	1,1	1,0
6	Xã Tân Thanh	19	15	10	1,2	1,1	1,0
7	Xã Liên Hà	30	24	15	1,2	1,1	1,0
8	Xã Phúc Thọ	30	24	15	1,2	1,1	1,0
9	Xã Đan Phượng	19	15	10	1,2	1,1	1,0
10	Xã Gia Lâm	30	24	15	1,2	1,1	1,0
11	Xã Mê Linh	30	24	15	1,2	1,1	1,0
12	Xã Nam Hà	30	24	15	1,2	1,1	1,0
13	Xã Đông Thanh	30	24	15	1,2	1,1	1,0
14	Xã Phi Tô	30	24	15	1,2	1,1	1,0
15	Xã Đa Độ	30	24	15	1,2	1,1	1,0
16	Xã Phú Sơn	30	24	15	1,2	1,1	1,0

5. Đất lâm nghiệp:

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (1.000 đồng/m ²)			Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)		
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Thị trấn Đình Văn	11	9	6	1,2	1,1	1,0
2	Thị trấn Nam Ban	11	9	6	1,2	1,1	1,0
3	Xã Tân Văn	11	9	6	1,2	1,1	1,0
4	Xã Tân Hà	11	9	6	1,2	1,1	1,0
5	Xã Hoài Đức	11	9	6	1,2	1,1	1,0
6	Xã Tân Thanh	11	9	6	1,2	1,1	1,0
7	Xã Liên Hà	11	9	6	1,2	1,1	1,0
8	Xã Phúc Thọ	11	9	6	1,2	1,1	1,0
9	Xã Đan Phượng	11	9	6	1,2	1,1	1,0
10	Xã Gia Lâm	11	9	6	1,2	1,1	1,0
11	Xã Mê Linh	11	9	6	1,2	1,1	1,0
12	Xã Nam Hà	11	9	6	1,2	1,1	1,0
13	Xã Đông Thanh	11	9	6	1,2	1,1	1,0
14	Xã Phi Tô	11	9	6	1,2	1,1	1,0
15	Xã Đa Độ	11	9	6	1,2	1,1	1,0
16	Xã Phú Sơn	11	9	6	1,2	1,1	1,0

B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN:

STT	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Giá đất (1.000 đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
-----	----------------------------	---	-----------------------------------

A	ĐẤT Ở NÔNG THÔN		
1	XÃ TÂN VĂN		
1.1	Khu vực 1		
1.1.1	Đường TL 725		
1	Từ cầu Tân Văn đến ngã ba trại giống	1.333	1,7
2	Từ nhà ông Lễ(thửa 923, TBD 16) tới cầu cơ giới	926	1,7
3	Từ cầu cơ giới tới ngã ba nghĩa trang xã Tân Văn	397	1,7
4	Từ ngã ba nghĩa trang Tân Văn tới trụ sở thôn Tân Thành (thửa số 32, TBD 41)	147	1,7
5	Từ trụ sở thôn Tân Thành tới ngã ba Phúc Tân-Tân Hà	397	1,7
6	Từ đầu cầu sắt cũ đến ngã ba khu tập thể giáo viên	1.111	1,7
1.1.2	Đường Tân Văn - Phúc Thọ		
1	Từ trạm xá xã Tân Văn tới ngã ba đi Tân Lin	794	1,7
2	Từ ngã ba Tân Lin tới ngã ba Tân Hòa	426	1,7
3	Từ ngã ba Tân Hòa tới ngã ba Tân Đức	337	1,7
4	Từ ngã ba Tân Đức tới ngã ba Tân Thuận	198	1,7
5	Từ ngã ba Tân Thuận tới giáp ranh xã Phúc Thọ	144	1,7
1.2	Khu Vực 2		
1.2.1	Đường liền kề khu trung tâm trụ sở UBND xã (vòng sau trụ sở UBND xã - khu tập thể giáo viên)	421	1,6
1.2.2	Đường từ ngã ba Tân Lin tới cầu máng	167	1,5
1.2.3	Đường từ ngã ba Trại giống tới cầu khi giáp huyện Đức Trọng		
1	Từ ngã ba Trại giống tới hội trường thôn Hà Trung	141	1,5
2	Từ hội trường thôn Hà Trung tới nhà ông Hoàng Thành Đô (thửa 226,TBĐ32)	107	1,5
3	Từ hết nhà ông Hoàng Thành Đô tới cầu khi giáp Đức Trọng	86	1,3
1.2.4	Đường từ ngã ba ông Sự đến hội trường thôn Mỹ Hòa (thửa 332, TBD 19)	160	1,5
1.2.5	Đường thôn Tân An đi Tân Thuận		
1	Từ Cầu Tân An tới hội trường thôn Tân Hòa (thửa số 1351,TBĐ22)	93	1,3
2	Từ Hội trường thôn Tân Hòa (hết thửa số 1351,TBĐ 22) tới ngã ba Tân Thuận	80	1,3
1.3	Khu vực 3		

1	Các đường lớn hơn 2,5 m	56	1,2
2	Còn lại	47	1,2
2	XÃ TÂN HÀ		
2.1	Khu vực 1		
2.1.1	Đường TL 725		
1	Từ giáp xã Tân Văn tới ngã ba Phúc Hưng	393	1,5
2	Từ ngã ba Phúc Hưng tới ngã ba đi thôn Phúc Thọ 1	500	1,5
3	Từ ngã ba đi thôn Phúc Thọ 1 tới ngã ba đi xã Phúc Thọ	837	1,5
4	Từ ngã ba đi xã Phúc Thọ tới Phân Viện Y tế	1.191	1,7
5	Từ Phân viện Y tế tới ngã ba cây xăng ông Bạ	1.728	1,9
6	Từ Ngã ba cây xăng ông Bạ (hết thửa số 189, TBD02) tới ngã ba đường lên chùa Hà Lâm	1.997	2,0
7	Từ Ngã ba lên chùa Hà Lâm tới đất ông Nguyễn Văn Tinh (thửa số 89, TBD 04)	1.594	2,0
8	Từ đất ông Tinh (hết thửa số 89, TBD 04) tới cổng trường C1 Tân Hà	1.191	1,7
9	Từ cổng trường C1 Tân Hà (hết thửa số 145 và 156, TBD 04) đến cổng trường C2 Tân Hà	898	1,5
10	Từ Cổng trường C2 Tân Hà (hết thửa số 115 và 51 TBD 07) đến ngã ba đi Đan Phượng (thửa 405 và thửa 548)	570	1,5
11	Từ ngã ba đi Đan Phượng đến giáp xã Liên Hà	387	1,5
2.1.2	Đường Tân Hà - Hoài Đức - Liên Hà (TL 725 mới)		
1	Từ ngã tư Tân Hà (thửa 35, 82) tới ngã ba cổng thôn Tân Đức	1.989	2,0
2	Từ ngã ba Tân Đức tới ngã ba Nhà Thờ (thửa 115)	1.340	1,7
3	Từ ngã ba Nhà thờ (hết thửa 115) tới cột điện trung thế số 286/128/10	614	1,5
4	Từ cột điện trung thế 286/128/10 tới cột điện trung thế số 286/128/51	393	1,5
5	Từ cột điện trung thế 286/128/51 tới ngã ba Trần Quốc Toàn	497	1,5
6	Từ ngã ba Trần Quốc Toàn (thửa 24, TBD 27) tới giáp xã Liên Hà	336	1,5

2.1.3	Đường đi xã Phúc Thọ		
1	Từ giáp TL 725 (thửa 331, TBD02) tới ngã ba Nghĩa trang (thửa số 162, 160, TBD02)	544	1,5
2	Từ ngã ba Nghĩa trang tới ngã ba thôn Thạch Thất II (thửa 107, 111, TBD 03)	336	1,5
3	Từ ngã ba thôn Thạch Thất II tới giáp xã Phúc Thọ	269	1,5
2.1.4	Đường đi xã Đan Phượng		
1	Từ giáp TL 725 (cũ) tới giáp xã Đan Phượng	198	1,5
2.2	Khu vực 2		
2.2.1	Các đường nhánh thôn Liên Trung		
1	Đoạn giáp xã Tân Văn tới thôn Thạch Thất II (thửa 01, TBD06)	68	1,5
2	Đoạn giáp xã Tân Văn tới thôn Phúc Hưng (thửa 01, TBD57)	90	1,5
3	Đoạn giáp TL 725 tới Đài truyền hình (Thửa 14, TBD 57)	96	1,5
4	Đoạn từ Đài truyền hình (hết thửa 14, TBD 57) tới hết thôn Phúc Hưng (thửa 19, TBD 18)	80	1,5
5	Đoạn từ TL725 tới hết thôn Phúc Thọ I (thửa 34, TBD09)	140	1,5
6	Đoạn từ TL725 vào 300 m - đất ông Trí (thửa 227, TBD02)	168	1,5
7	Đoạn từ 300 m (hết thửa 227, TBD 02) tới đường xóm 2	69	1,5
8	Đoạn đối diện phân viện Y tế vào 500 m (từ thửa 469 đến thửa 186, TBD09)	281	1,5
9	Đoạn từ cây xăng ông Bạ tới đỉnh dốc (từ thửa 189 đến hết thửa 168, TBD 02)	828	1,5
10	Đoạn từ đỉnh dốc giáp đường đi xã Phúc Thọ (thửa 107, TBD03)	500	1,5
11	Đoạn từ đỉnh dốc tới hết nhà ông Nhâm	666	1,3
12	Đoạn từ ngã tư Tân Hà tới cổng thôn Thạch Thất I (từ thửa 313 đến hết 454, TBD 04)	882	1,5
13	Đoạn từ Phân Viện Y tế đến trường Mầm Non Tân Hà	180	1,5
14	Đoạn từ TL 725 đến cổng trường THPT Tân Hà	200	1,5
2.2.2	Các đường thôn Phúc Hưng		
1	Đoạn từ TL725 vào 500 m (từ thửa 468 đến hết thửa 253, TBD09)	135	1,5
2	Đoạn từ 500m đến hết thôn Phúc Hưng	68	1,5

2.2.3	Đường thôn Phúc Thọ I		
1	Đoạn từ giáp thôn Liên Trung tới phân trường Tiểu học Tân Hà 2 (từ thửa 105 đến hết thửa 409)	67	1,5
2.2.4	Đường thôn Tân Trung		
1	Đoạn từ TL 725 tới chùa Hà Lâm	538	1,5
2	Đoạn từ TL275 (nhà ông Đức-thửa 400, TBĐ04) vào 200m (thửa 149,TBĐ10)	270	1,5
3	Đoạn từ TL 725(thửa 87,TBĐ25) tới ngã tư (thửa 61, TBĐ25)	135	1,5
4	Đoạn từ Ngã tư thôn Tân Trung và thôn Tân Đức (thửa 30,60, TBĐ 25) tới đường đi xã Hoài Đức (thửa 331,46,TBĐ 04)	166	1,5
5	Đường từ cổng Văn hóa thôn Thạch thất 1 đến chợ Tân Hà	180	1,5
2.2.5	Đường thôn Thạch Thất I		
1	Đoạn từ công văn hóa thôn Liên Trung tới giáp thôn Thạch Tân	67	1,5
2	Đoạn từ nhà ông Đức vào 200 m đến giáp thôn Thạch Tân	66	1,5
3	Đoạn từ nhà ông Thành đến đường thôn Thạch Thất I (nhà ông Đĩnh) (thửa 391, TBĐ 10 đến thửa 288, TBĐ 09)	40	1,5
2.2.6	Đường thôn Tân Đức		
1	Đoạn từ đường đi Hoài Đức đến 300 m (hết nhà ông Lân)- từ thửa 185,TBĐ 05 đến hết thửa192,TBĐ25 và thửa 424, TBĐ 04	497	1,5
2	Đoạn từ hết thửa 137 (TBĐ 05) vào 200m	173	1,5
3	Đoạn từ công văn hóa thôn Tân Đức (thửa 58,TBĐ28) vào 200 m tới giáp thôn Phúc Thọ 2(thửa 35,TBĐ28)	168	1,5
2.2.7	Đường thôn Đan Phượng I		
1	Đoạn từ TL 725 (thửa 360,TBĐ 25) tới đất ông Thông (thửa 575,TBĐ 24)	199	1,5
2	Đoạn từ hết đất ông Thông (hết thửa 575) đến đường đi xã Đan Phượng	69	1,5
3	Đoạn từ TL 725 đến bãi đá thôn Phúc Thọ II (từ thửa 309 đến thửa 01, TBĐ 24)	67	1,5
4	Đường thôn Văn Minh: Từ giáp xã Tân Văn tới cầu khỉ đi Đức Trọng	86	1,3
2.3	Khu vực 3:		

2.3.1	1. Đường không thuộc thôn vùng 3		
1	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	50	1,2
2	Còn lại	40	1,2
2.3.2	2. Đường thuộc thôn vùng 3.		
1	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	39	1,2
2	Còn lại	30	1,2
3	XÃ HOÀI ĐỨC		
3.1	Khu vực 1		
3.1.1	Đường Tân Hà- Tân Thanh		
1	Từ ngã ba Nhà thờ vào 200 m	882	1,5
2	Từ 200 m đến hết cổng nghĩa địa	551	1,5
3	Từ hết cổng nghĩa địa đến đầu đập (gần UBND xã)	331	1,5
4	Từ đầu đập đến ngã ba thôn 5 (nhà ông Công)	386	1,5
5	Từ ngã ba thôn 5 đến giáp xã Tân Thanh	221	1,5
3.2.2	Đường TL 725		
1	Từ giáp xã Tân Hà đến hết ngã 3 Nhà Thờ (hết các thửa 135, 95, 96, TĐĐ 08)	1.386	1,5
2	Từ ngã ba Nhà thờ (hết thửa 115) tới cột điện trung thế số 286/128/10	604	1,5
3	Từ cột điện trung thế 286/128/10 tới cột điện trung thế số 286/128/51	384	1,5
4	Từ cột điện trung thế 286/128/51 tới ngã ba Trần Quốc Toàn	491	1,5
5	Đường Tân Hà - Phúc Thọ: Từ giáp xã Tân Hà đến giáp xã Phúc Thọ	145	1,5
3.2	Khu vực 2		
1	Từ ngã ba Trần Quốc Toàn đến hết trường Trần Quốc Toàn	145	1,4
2	Từ hết trường Trần Quốc Toàn đến hết phân trường Hoài Đức	95	1,4
3	Từ hết phân trường Hoài Đức đến ngã ba thôn Hải Hà	97	1,4
4	Từ ngã ba thôn Hải Hà (hết thửa đất 196) đến đập Đa Sa	78	1,4
5	Từ ngã tư cổng UBND xã đến ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1	66	1,5
6	Từ ngã tư cổng trường tiểu học Hoài Đức 1 đến đường liên xã (nhà cô Thu)	92	1,5
7	Từ ngã ba thôn Vinh Quang (nhà ông Chí) đến ngã ba Chùa Vạn Thiện	265	1,5
8	Ngã ba Đồi dầu đến nhà ông Hòa	66	1,5
3.3	Khu vực 3:		

1	Các đường lớn hơn 2,5 m	50	1,2
2	Còn lại	40	1,2
4	XÃ TÂN THANH		
4.1	Khu vực 1		
4.1.1	Đường Tân Hà-Tân Thanh		
1	Từ giáp xã Hoài Đức đến ngã ba thôn Đông Thanh (thửa 116, TBĐ 21)	166	1,5
2	Từ ngã ba Đông Thanh đến đất ông Quế (thửa 116, TBĐ 21)	200	1,5
3	Từ đất ông Quế đến cầu UBND xã cũ	280	1,5
4	Từ Cầu UBND xã cũ đến chân dốc vát (thửa 103,TBĐ 31)	250	1,5
5	Từ chân dốc vát đến đỉnh dốc vát (thửa 27,TBĐ 36)	120	1,3
6	Đoạn từ chân dốc vát đến hết đất nhà ông Bùi Đức Tường	120	1,5
7	Đoạn từ nhà ông Bùi Đức Tường đến trường THCS Lê Văn Tám	150	1,5
8	Đoạn từ trường Lê Văn Tám đến sân bóng thôn Tân Hợp (nhà ông Trịnh Danh Thạnh)	150	1,5
4.2	Khu vực 2		
4.2.1	Đường liên thôn		
1	Thôn Tân An (thửa 74 tờ BĐ 23) đi thôn Thanh Hà (đến thửa 83 tờ BĐ 15)	66	1,5
2	Đường qua chợ Tân Thanh (đoạn từ thửa đất số 86 tờ 23 đến thửa đất số 286 tờ 23)	66	1,1
3	Thôn Thanh Hà (Thửa 83 tờ BĐ 15) đi thôn Tân Bình (đến thửa 54 tờ BĐ 25)	100	1,5
4	Thôn Tân An (từ thửa 32 tờ BĐ 23) đi thôn Thanh Bình (đến hết thửa 68 tờ BĐ 9)	66	1,5
5	Thôn Đoàn Kết (từ thửa 18 tờ BĐ 31) đi thôn Đông Thanh (đến hết thửa 151 tờ BĐ 21)	66	1,5
6	Thôn Hòa Bình (từ thửa 404 tờ BĐ 30) đi thôn Tân An (đến thửa 72 tờ BĐ 23)	100	1,5
7	Thôn Hòa Bình đi thác Bụi (hết thửa 19 tờ BĐ 35)	100	1,5
8	Từ ngã 3 nhà ông Lô (thửa 68 tờ BĐ 25) đến thửa đất số 183 tờ bản đồ số 13	100	1,5
9	Từ thửa đất số 198 tờ bản đồ số 26 thôn Tân Hợp đến hết thửa đất số 18 tờ BĐ số 26	150	1,5

10	Từ thôn Thanh Bình (thửa 60, TBD 08) đến giáp xã Hoài Đức	66	1,5
11	Từ thôn Thanh Hà (ngã ba ông Hòa - thửa 83, TBD 15) đi thôn Bằng Sơn (hết thửa 11, TBD 02)	66	1,5
12	Từ thôn Thanh Hà (thửa số 10, TBD 15) đi thôn Thanh Bình (hết thửa 162, TBD 9 đất trường tiểu học)	66	1,5
13	Từ ngã 3 thôn Kon pang đến nhà ông Trướng (hết thửa 103 tờ BĐ 29)	66	1,1
14	Từ ngã 3 thôn Kon pang (thửa 33 tờ 36) đến hết thửa 57 tờ BĐ 36	66	1,1
15	Từ thửa số 123 tờ 30 đến nhà ông Hoàng Văn Căn (hết thửa 57 tờ 35)	66	1,1
4.3	Khu vực 3:		
1	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	39	1,2
2	Còn lại	30	1,2
5	XÃ LIÊN HÀ		
5.1	Khu vực 1		
5.1.1	Đường TL 725 (cũ)		
1	Từ giáp xã Tân Hà tới cột 3 thân 500 KV	125	1,5
2	Từ cột 3 thân 500KV đến hồ	205	1,5
3	Từ Hồ tới trường CII	112	1,5
5.1.2	Đường TL 725 (mới)		
1	Từ giáp xã Tân Hà tới ngã ba thôn Phúc Thọ	184	1,5
2	Từ ngã ba thôn Phúc Thọ đến cổng trường C2	150	1,5
3	Từ cổng trường C2 đến cổng trường Lán Tranh II	374	1,5
4	Từ cổng trường Lán Tranh II đến ngã ba ông Nhâm	175	1,5
5	Từ ngã ba ông Nhâm đến đỉnh dốc suối Lạnh	113	1,5
5.2	Khu vực 2		
5.2.1	Đường từ ngã ba Trần Quốc Toàn đi đập Đa Sa		
1	Từ ngã ba Trần Quốc Toàn đến hết trường Trần Quốc Toàn	145	1,5
2	Từ hết trường Trần Quốc Toàn đến đối diện phân trường Hoài Đức	95	1,5
3	Từ đối diện phân trường Hoài Đức đến ngã ba ông Sánh	97	1,5
4	Đoạn còn lại	78	1,5

5.2.2	Đường từ ngã ba Xương cá đi thôn Chiến Thắng		
1	Từ ngã ba Xương cá vào 300 m (thửa 32, 337, TBĐ 50)	187	1,5
2	Từ 300 m (thửa 32,337, TBĐ 50) đến thôn Chiến thắng	94	1,5
3	Đoạn còn lại	81	1,5
5.3	Khu vực 3:		
1	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	62	1,2
2	Còn lại	39	1,2
6	XÃ PHÚC THỌ		
6.1	Khu vực 1		
6.1.1	Đường Tân Hà - Phúc Thọ		
1	Từ giáp xã Hoài Đức đến ngã ba Dược Liệu (thửa 542, TBĐ 33)	145	1,5
6.1.2	Đường Tân Văn - Phúc Thọ		
1	Từ giáp xã Tân Văn tới ngã ba Dược Liệu	125	1,5
2	Từ ngã ba Dược Liệu đến bờ đập	159	1,5
3	Từ bờ đập đến ngã ba đi Hoài Đức (thửa 439, TBĐ 27)	265	1,5
4	Từ ngã ba đi Hoài Đức đến ngã ba Nông trường I (thửa 187, TBĐ 59)	210	1,5
5	Từ ngã ba Nông trường I đến nhà ông Đắc (thửa 54, TBĐ 55)	140	1,5
6	Từ nhà ông Đắc (hết thửa 54) đến nhà ông Sơn (thửa 409, TBĐ 130	132	1,5
7	Từ nhà ông Sơn (hết thửa 409) đến ngã ba Lâm Bồ	185	1,5
6.2	Khu vực 2		
6.2.1	Các đường liên thôn		
1	Từ ngã ba Nông trường I đến thủy điện Sardeung	120	1,6
2	Từ ngã ba bà Tắc đến thôn Đạ Pe	70	1,5
3	Từ ngã ba nhà ông Công thửa 89 tờ 59 đến nhà ông Biên thửa 274 tờ 14	66	1,1
4	Từ ngã ba Lâm Bồ đến ngã ba nhà ông Cường Phi	66	1,1
5	Từ ngã ba Lâm Bồ vào đến thôn Phúc Cát đất nhà ông Hồ Tắc Và	66	1,1
6	Từ Ngã ba đi Hoài Đức đến giáp xã Hoài Đức	70	1,5
6.3	Khu vực 3:		
6.3.1	1. Đường không thuộc thôn vùng 3		

1	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	49	1,2
2	Còn lại	40	1,2
6.3.2	2. Đường thuộc thôn vùng 3.		
1	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	39	1,2
2	Còn lại	30	1,2
7	XÃ ĐAN PHƯỢNG		
7.1	Khu vực 1		
1	Từ giáp xã Tân Hà đến hết trường THCS	306	1,3
2	Từ hết trường THCS đến nghĩa địa thôn Phượng Lâm	306	1,3
3	Từ giáp xã Tân Hà đến hết trường Mẫu Giáo thôn Đoàn Kết	295	1,1
4	Từ trường Mẫu giáo thôn Đoàn Kết đến ngã ba trường tiểu học Đan phượng II	156	1,2
5	Từ nghĩa địa thôn Phượng Lâm đến hết nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phượng Lâm	140	1,5
6	Từ ngã ba trường Tiểu học Đan Phượng II đến ngã ba đi thôn Nhân Hòa	132	1,2
7	Từ ngã ba nghĩa địa thôn Phượng Lâm đến hết ngã ba nhà Thành Sính	140	1,2
8	Từ giáp xã Tân Hà đến hết trường nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đoàn Kết (thửa 453, tờ BĐ số 01)	140	1,1
9	Từ ngã ba trường Tiểu học Đan Phượng II đến hết dốc nhà ông Nam (thửa số 80, Tờ BĐ số 04)	130	1,1
10	Từ hết dốc nhà ông Nam (thuộc thửa đất số 80 TĐĐ 04) đến hết đường đi xã Tân Thành, huyện Đức Trọng	120	1,1
11	Từ hết nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phượng Lâm ngã ba bà Ngan (thửa đất số 441, TĐĐ 10)	140	1,5
12	Từ nhà bà Ngan (thuộc thửa đất số 441, TĐĐ 10) đến hết đường	130	1,1
13	Từ ngã ba ông Thủy (thửa số 417, TĐĐ số 03) đến ngã ba nghĩa địa thôn An Bình (thửa số 874, TĐĐ số 03)	130	1,1
14	Từ thửa đất 395, TĐĐ 01 đến hết thửa đất số 92, TĐĐ 01 (đối diện cửa hàng VLXD Tuyên Phần thửa đất số 253, TĐĐ 01)	130	1,1

7.2	Khu vực II		
	Các đường liên thôn lớn hơn 2,5 m đầu nối với đường khu vực 1	110	1,1
7.3	Khu vực 3:		
1	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m đầu nối với đường khu vực 2	50	1,1
2	Còn lại	35	1,1
8	XÃ GIA LÂM		
8.1	Khu vực 1		
8.1.1	Đường TL 725		
1	Từ TT Nam Ban đến ngã ba đi thôn 5	1.200	1,7
2	Từ ngã ba đi thôn 5 đến cổng văn hóa thôn 4	700	1,9
3	Từ cổng văn hóa thôn 4 đến trường Mẫu giáo	667	1,7
4	Từ trường Mẫu giáo đến cổng văn hóa thôn 3	325	1,7
5	Từ cổng văn hóa thôn 3 đến cầu suối cạn	288	1,7
6	Từ cầu suối cạn đến đỉnh dốc đá thôn 1	205	1,5
7	Từ đỉnh dốc đá thôn 1 đến hồ thôn 1	190	1,5
8	Từ hồ thôn 1 đến giáp Đức trọng	150	1,7
8.1.2	Đường đi xã Đông Thanh		
1	Từ giáp TL725 đến cổng văn hóa thôn 5	275	1,5
2	Từ cổng văn hóa thôn 5 đến cổng văn hóa thôn 6	225	1,7
3	Từ cổng văn hóa thôn 6 đến giáp xã Đông Thanh	187	1,5
8.2	Khu vực 2		
8.2.1	Khu vực chợ Gia Lâm		
1	Từ trạm Thuế đến đất ông Truyền (thửa 154, TBD 11)	270	1,2
2	Từ đất ông Đình (thửa 31, TBD 11) đến đất ông Hiến (thửa 27, TBD 17)	190	1,2
3	Từ hết đất ông Hiến (hết thửa 27) đến đất bà Đoan (Thửa 52, TBD 11)	190	1,3
4	Từ đất bà Đoan (hết thửa 52) đến ngã tư ông Quý (thửa 39, TBD 11)	255	1,2
5	Từ ngã tư ông Quý đến trại tầm tơ An Tuyên	158	1,2
6	Từ ngã tư ông Phà (thửa 49, TBD 11) đến đất ông Truyền (thửa 71, TBD 11)	135	1,2
7	Ngã ba đi kho xăng KA2 đến ngã ba ông Vượng (thửa 323, TBD 02)	100	1,2

8.2.2	Các đường liên thôn 3, thôn 4 - Gan Thi		
1	Từ ngã tư ông Quý (thửa 276, TBD04) đến ngã tư ông Toàn (thửa 321, TBD 03)	137	1,2
2	Từ ngã tư đi thôn 5 đến phân trường thôn 5	135	1,2
3	Từ trường THCS Gia Lâm (thửa 48 TBD03) đến ngã ba bà Sở (thửa 460, TBD 03)	107	1,2
4	Từ công văn hóa thôn 4 đến đất ông Vị (thửa 181, TBD 04)	110	1,2
5	Từ giáp phân trường thôn 5, đến ngã ba ông Ánh (thửa 20, TBD06)	98	1,2
6	Từ giáp công văn hóa thôn 5 đến cầu thôn 5	95	1,2
7	Từ ngã ba ông Thảo (thửa 206, TBD 06) đến cầu thôn 6	88	1,2
8.3	Khu vực 3:		
1	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	73	1,2
2	Còn lại	59	1,2
9	XÃ MÊ LINH		
9.1	Khu vực 1		
9.1.1	Đường TL 725		
1	Từ TT Nam Ban đến ngã ba vào xóm trại gà (thôn 2)	232	1,6
2	Từ ngã ba vào xóm trại gà (thôn 2) đến trường tiểu học Mê Linh	285	1,6
3	Từ trường Tiểu học Mê Linh đến ngã ba đi bãi đá thôn 3	207	1,9
4	Từ ngã ba đi bãi đá thôn 3 đến ngã ba đi đồi Tùng	300	1,6
5	Từ ngã ba đi đồi Tùng đến cầu Cam Ly	357	1,6
9.2	Khu vực 2		
1	Từ ngã ba Từ Liêm đến nhà ông Sơn Quyền (thửa số 41, TBD11)	132	1,5
2	Từ nhà ông Sơn Quyền (hết thửa 41) đến hết thôn 8 (giáp xã Nam Hà)	80	1,5
3	Từ Ngã ba đi đồi Tùng đến thôn Hang Hót, Buôn Chuối	96	1,5
4	Đường thôn 2 đi thôn 3, Từ nhà ông Liên (thửa 350, TBD 02) đến nhà ông Trần Ao (thửa 187, TBD 05)	90	1,5
9.3	Khu vực 3:		

9.3.1	1. Đường không thuộc thôn vùng 3		
1	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	49	1,2
2	Còn lại	40	1,2
9.3.2	2. Đường thuộc thôn vùng 3.		
1	Các đường có độ rộng nhỏ nhất lớn hơn 2,5 m	39	1,2
2	Còn lại	30	1,2
10	XÃ NAM HÀ		
10.1	Khu vực 1		
10.1.1	Đường Nam Ban - Phi Tô		
1	Từ giáp TT Nam Ban đến ngã ba đi thôn Hoàn Kiếm I	94	1,5
2	Từ ngã ba đi thôn Hoàn Kiếm I đến ngã ba Hoàn kiếm II	137	1,5
3	Từ ngã ba Hoàn Kiếm II đến ngã ba đối diện trụ sở UBND xã	137	1,5
4	Từ ngã ba đối diện trụ sở UBND xã đến bưu điện văn hóa xã	201	1,5
5	Từ Bưu điện văn hóa xã đến cổng trường Cấp I Nam Hà	121	1,5
6	Đoạn còn lại	95	1,5
10.1.2	Đường Nam Hà - Đình Văn		
1	Từ ngã ba bà Tôn (thửa 80, TBĐ 17) đến hết đất ông Bình (thửa 30, TBĐ 17)	121	1,5
2	Từ đất ông Bình (hết thửa 30) đến giáp TT Đình Văn	107	1,5
10.2	Khu vực 2		
1	Từ ngã ba Hoàn Kiếm 2, 3 đến hết thửa 123, 12, TBĐ 27	103	1,5
2	Đường liên thôn Hoàn Kiếm 2 (từ thửa 118, TBĐ 21 đến hết thửa 47, TBĐ 23)	107	1,5
3	Từ thửa 136, TBĐ 27 đến thửa 186, TBĐ 27	106	1,5
4	Từ hết thửa 186, TBĐ 27 đến thửa 02, TBĐ 24	90	1,5
5	Đường thôn Hai Bà Trưng	93	1,5
6	Đường thôn Hoàn Kiếm I-Sóc Sơn (thửa 124, TBĐ 16 đến hết thửa 47, TBĐ 17)	81	1,5
7	Đường từ ngã ba ông Thành đến ngã ba ông Ngòi (Thửa 24, TBĐ 23 đến thửa 02, TBĐ 24)	81	1,5
10.3	Khu vực 3:		
1	Các đường lớn hơn 2,5 m	58	1,2
2	Còn lại	48	1,2

11	XÃ ĐÔNG THANH		
11.1	Khu vực 1		
11.1.1	Đường Gia Lâm - Đông Thanh		
1	Từ giáp xã Gia Lâm đến ngã ba Thanh Trì	166	1,5
2	Từ ngã ba Thanh Trì đến ngã tư Tầm Xá	235	1,5
3	Từ ngã tư Tầm Xá đến cầu sắt Tiền Lâm	150	1,5
4	Từ cầu sắt Tiền Lâm đến giáp TT Nam Ban	210	1,3
11.2	Khu vực 2		
11.2.1	Đường Trung Hà-Đông Hà		
1	Tuyến đường từ giáp đường liên xã đến hội trường thôn Đông Anh	95	1,5
2	Tuyến đường từ ngã tư công văn hóa thôn Đông Hà đến ngã ba ông Phán (giáp đường liên xã)	80	1,2
11.2.2	Đường thôn Tầm Xá		
1	Từ ngã tư Tầm Xá đến ngã tư ông Hải (thửa 226, TBD 04)	85	1,5
2	Từ ngã tư ông Hải đến ngã ba Bót điện Tầm Xá	83	1,5
3	Từ Bót điện Tầm Xá đến ngã ba ông Chiến (giáp đường liên xã)	80	1,5
4	Từ ngã ba Tầm Xá đến ngã ba ông Kiên (thửa 48, TBD 18)	70	1,5
5	3. Từ ngã ba Thanh Trì đến ngã tư ông Luyến (thửa 156, TBD 07)	85	1,5
6	4. Từ ngã tư ông Long Hiền đến ngã tư ông Luyến (thửa 156, TBD 07)	80	1,5
7	5. Từ Ngã tư bót điện Thanh Trì đến ngã ba bà Hưu (thửa 369, TBD 09)	100	1,5
8	6. Từ công văn hóa thôn Thanh Hà đến cầu treo đi Nam Ban	80	1,5
9	7. Từ ngã ba giáp Gia Lâm và Thanh Trì đến ngã ba ông Tĩnh (thửa 101, TBD 08)	90	1,4
10	8. Từ ngã ba ông Mùi đến ngã ba ông Năm	85	1,4
11	9. Từ ngã ba ông Quảng Bình đến ngã ba ông Bình Tuyết	80	1,4
12	10. Từ công văn hóa thôn Trung Hà đến ngã ba ông Sơn (hết thửa 236, TBD 04)	80	1,4
13	11. Từ ngã ba Tổng đội đến giáp Nam Ban (đỉnh dốc bà Mão)	100	1,4

11.3	Khu vực 3:		
11.3.1	Đường không thuộc thôn vùng 3		
1	Các đường lớn hơn 2,5 m	70	1,2
2	Còn lại	61	1,2
11.3.2	Đường thuộc thôn vùng 3.		
1	Các đường lớn hơn 2,5 m	42	1,2
2	Còn lại	35	1,2
12	XÃ PHI TÔ		
12.1	Khu vực 1		
12.1.1	Đường Nam Ban- Phi Tô		
1	Từ giáp Đạ Đờn đến cầu suối cạn	77	1,2
2	Từ cầu suối cạn đến cống giữa thôn 1 và thôn 2	165	1,2
3	Từ cống giữa thôn 1 và thôn 2 đến ngã ba đồi sim	220	1,2
4	Từ ngã ba đồi sim đến cầu thôn 4	135	1,2
5	Từ cầu thôn 4 đến giáp xã Nam Hà	115	1,2
12.2	Khu vực 2		
1	Đường cấp phối thôn 5 (từ thửa 579 đến thửa 53, TBĐ 04)	77	1,3
2	Đường thôn 1,2,6 từ thửa 222, TBĐ 02 đến thửa 561, TBĐ 03	80	1,3
3	Đường thôn 3 từ thửa 71 đến thửa 15 và 38, TBĐ 07	80	1,3
4	Phần đường cấp phối còn lại của 03 đường trên	78	1,3
5	Đường thôn 2, Từ thửa 701, 242 đến thửa 251, TBĐ 04	95	1,2
6	Đường bê tông từ thửa số 251 từ BĐ 04 đến thửa 345 từ BĐ 05	95	1,2
7	Đường đi đồi Sim (từ thửa số 329 đến thửa 341 từ BĐ 04)	95	1,2
8	Đường thôn Lâm Nghĩa (từ thửa số 503 đến thửa số 360 từ BĐ 04)	90	1,2
12.3	Khu vực 3:		
1	Các đường lớn hơn 2,5 m	55	1,2
2	Còn lại	45	1,2
13	XÃ ĐẠ ĐỜN		
13.1	Khu vực 1		
13.1.1	Quốc lộ 27		
1	Từ giáp Đình Văn đến giáp lò gạch ông Vân (hết thửa 765 và 661, TBĐ 35)	1.225	1,6
2	Từ lò gạch ông Vân (thửa 1920 và 658 TBĐ 35) đến hết đất Xí nghiệp cầu tre (hết thửa 290 và 111, TBĐ 35)	1.168	1,5

3	Từ hết đất Xí nghiệp cầu tre đến cầu Đam Pao	675	1,7
4	Từ cầu Đam Pao đến cống thủy lợi qua đường- Trụ sở UBND xã	430	1,7
5	Từ cống thủy lợi - trụ sở UBND xã đến cống An Phước	401	1,7
6	Từ cống An Phước đến cống đầu thôn Tân Tiến (thửa 480, TBĐ 17)	342	1,7
7	Từ cống đầu thôn Tân Tiến đến cống hợp thủy lợi	385	1,7
8	Từ cống hợp thủy lợi đến ngã ba RLom	500	1,7
9	Từ ngã ba RLom đến cầu Dạ Đồn	340	1,7
13.1.2	Đường Dạ Đồn - Phi Tô		
1	Từ ngã ba RLom đến chân dốc RLom (thửa 112, TBĐ 11)	435	1,5
2	Từ chân dốc RLom (hết thửa 112) đến nhà ông Lộc (thửa 19, TBĐ 05)	247	1,4
3	Từ nhà ông Lộc (hết thửa 19) đến nhà ông Lai (thửa 176, TBĐ 05)	152	1,5
4	Từ nhà ông Lai (hết thửa 176) đến chân dốc giáp xã Phi Tô	120	1,5
13.2	Khu vực 2		
1	Từ QL 27 đi xóm Bến Tre	112	1,4
2	Từ Chùa An Phước đi xóm Đaknang	87	1,5
3	Từ cống thôn Tân Lâm đến cống thủy lợi (đường vào trường DTNT)	160	1,4
4	Từ QL 27 đi thôn 2 Đa Nung A	140	1,5
5	Từ QL 27 đi thôn Đam Pao	150	1,5
6	Từ dốc Phi Tô đi thôn Dạ Ty	125	1,5
7	Từ QL 27 đến hết trường Mẫu Giáo (thửa 601, TBĐ27)	117	1,5
8	Từ QL 27 đến hết nhà ông Dũng (thửa 625, TBĐ 35)	115	1,5
9	Từ nhà Minh Định đến nhà ông Ứng (thửa 531, TBĐ12)	109	1,5
10	Từ QL 27 đến nghĩa địa thôn Tân Lâm	131	1,5
11	Từ Mương thủy lợi đến sân bóng thôn Yên Thành	100	1,5
12	Từ sân bóng thôn Yên Thành đến hết khu dân cư	80	1,5
13	Từ sau nhà ông Thắng đến hết đất trại giống	161	1,5
14	Đường từ QL 27 đi trường tiểu học Đarkoh	135	1,3
13.3	Khu vực 3:		

13.3.1	1. Đường không thuộc thôn vùng 3		
1	Các đường lớn hơn 2,5 m	50	1,2
2	Còn lại	40	1,2
13.3.2	2. Đường thuộc thôn vùng 3.		
1	Các đường lớn hơn 2,5 m	39	1,2
2	Còn lại	30	1,2
14	XÃ PHÚ SƠN		
14.1	Khu vực 1		
14.1.1	Quốc lộ 27		
1	Từ cầu Đa Đồn đến bưu điện Phú Sơn	536	1,4
2	Từ bưu điện Phú Sơn đến ngã ba vào trường Cấp I Phú Sơn	606	1,4
3	Từ ngã ba vào trường cấp I đến xưởng chè Gái Ngộ (thửa 45, TBĐ24)	316	1,4
4	Từ xưởng chè Gái Ngộ đến ngã ba vào Rteng	433	1,2
5	Từ ngã ba Rteng đến nghĩa địa Lạc Sơn	261	1,4
6	Từ Nghĩa địa Lạc Sơn đến địa phận Đam Rông	106	1,5
14.2	Khu vực 2		
1	Đường Núi đôi đi thôn Quyết Thắng	209	1,4
2	Từ QL27 đến cầu Rteng	82	1,4
3	Từ cầu Rteng đến hết thôn Rteng 1, 2	189	1,3
4	Đường từ Bưu điện đến công ty Trần Vũ	173	1,3
5	Đường từ chợ Ngọc Sơn vào thôn Ngọc Sơn 1	184	1,4
6	Từ QL27 vào xưởng chè Ngọc Phú	92	1,4
7	Từ cổng nhà bà Nho đến xóm xinh thôn Ngọc Sơn 3	140	1,3
8	Từ cổng thôn Văn Hóa Ngọc Sơn đến hết thửa số 295, tờ BĐ 25	184	1,2
9	Từ cổng thôn Văn Hóa Ngọc Sơn 1 đến hết thửa số 163, tờ BĐ 30	214	1,2
10	8. Các đường rẽ nhánh thôn Ngọc Sơn 3 (theo trục đường QL 27)	60	1,1
11	9. Các đường rẽ nhánh thôn Ngọc Sơn 2 (theo trục đường QL 27)	60	1,1
12	10. Các đường rẽ nhánh thôn Bằng Tiên 1 (theo trục đường QL 27)	60	1,1
13	11. Các đường rẽ nhánh thôn Bằng Tiên 2 (theo trục đường QL 27)	60	1,1
14.3	Khu vực 3:		
14.3.1	1. Đường không thuộc thôn vùng 3		
1	Các đường lớn hơn 2,5 m	83	1,2
2	Còn lại	40	1,2

14.3.2	2. Đường thuộc thôn vùng 3.		
1	Các đường lớn hơn 2,5 m	39	1,2
2	Còn lại	30	1,2

C. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

STT	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Giá đất (1.000 đồng/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	THỊ TRẤN ĐÌNH VĂN		
1	Quốc lộ 27		
1.1	- Từ Bình Thạnh đến Cổng xoan (từ thửa 60, TBĐ số 80 đến hết thửa 652, TCD 15 và hết thửa 6, TBĐ 79)	524	1,5
1.2	- Từ Cổng Xoan đến ngã ba Gia Thạnh (thửa 91, TBĐ 73)	785	1,6
1.3	- Từ ngã ba Gia Thạnh (hết thửa 91, TBĐ 73) đến ngã ba Đoàn Kết (thửa số 201 tờ bản đồ 69)	1.047	1,7
1.4	Từ ngã ba Đoàn Kết (hết thửa 201, TBĐ 69) đến đường vào tổ 4 Văn Tâm (thửa số 367, TBĐ 63)	1.500	1,7
1.5	- Từ đường vào tổ 4 Văn Tâm (hết thửa 367, TBĐ 69) đến cầu Cổ Gia (thửa 587, TBĐ 63)	1.800	1,8
1.6	- Từ cầu Cổ Gia (thửa 587, TBĐ 63) đến ngã ba Bưu Điện Huyện (thửa 331, TBĐ 62)	2.500	1,8
1.7	- Từ ngã ba Bưu Điện huyện (hết thửa 331, TBĐ 62) đến ngã tư Quyền Lương hết đất ông Thăng (tờ 61, thửa 366)	3.000	1,9
1.8	- Từ nhà ông Quyền Lương (hết thửa 903, TBĐ 61) đến hết đất bà K' Duyên (tờ 61, thửa 199)	3.500	1,9
1.9	- Từ hết đất bà K' Duyên (tờ 61, thửa 199) đến cổng Kiểm Lâm	3.000	1,9
1.10	- Từ cổng Kiểm Lâm đến hết đất Hà Khoa (thửa 103, tờ BĐ 59)	2.800	1,9
1.11	- Từ hết đất Hà Khoa (thửa số 103, TBĐ 59) đến ngã ba (đại lý vật liệu Lâm Hà thửa số 222, TBĐ 56)	1.800	2,0
1.12	- Từ ngã ba (đại lý vật liệu Lâm Hà thửa 222, TBĐ 56) đến giáp xã Dạ Đôn.	1.500	1,8
2	Tỉnh Lộ 725		
2.1	- Từ ngã ba Sơn Hà đến cổng hết đất ông Trường (thửa số 1077, TBĐ 58)	1.300	1,9

2.2	- Từ cổng hết đất ông Trường (thửa số 1077, TBĐ số 58) đến cầu Tân Văn	1.000	1,5
3	Đường Đình Văn - Ba Càng		
3.1	- Từ ngã ba Quảng Đức đến hết Trường tiểu học Đình Văn V	1.600	1,9
3.2	- Từ hết trường TH Đình Văn V tới ngã ba nhà ông Miên (thửa số 12, tờ BĐ 71)	1.400	1,7
3.3	- Từ ngã ba nhà ông Miên (hết thửa số 12, tờ BĐ 71) đến hết cổng ông Hữu (thửa số 46, tờ BĐ 76)	900	1,7
3.4	- Từ hết cổng ông Hữu (hết thửa số 46, tờ BĐ 76) đến hết đất ông Thành (thửa số 270, tờ BĐ 82)	700	1,5
3.5	Từ hết đất ông Thành (hết thửa số 270, tờ BĐ 82) đến ngã ba chợ Hòa Lạc (giáp thửa 304, TBĐ 86)	450	1,5
3.6	- Từ ngã ba chợ Hòa Lạc (thửa 304, TBĐ 86) đến cầu Hòa Lạc	331	1,5
3.7	- Từ cầu Hòa Lạc đến giáp Đức Trọng	300	1,5
4	Đường nhánh của tổ dân phố		
4.1	Đường nhánh Xoan - Đa Huỳnh	120	1,5
4.2	Đường nhánh Cô Gia	120	1,5
4.3	Đường nhánh Bồ Liêng - Sê nhấc	120	1,7
4.4	Đường nhánh PotPe - Con tách Đẳng	120	1,5
4.5	Đường nhánh Gia Thạnh	120	1,5
4.6	Đường nhánh Hòa Lạc	120	1,5
4.7	Đường nhánh ĐơƠMăng - Pang Bung	120	1,5
4.8	Đường nhánh Văn Minh - Văn Tâm - Quảng Đức	150	1,4
4.9	Đường nhánh Đồng Tâm - Đồng Tiến	150	1,4
4.10	Đường nhánh Yên Bình	150	1,4
4.11	Đường nhánh Văn Hà	150	1,4
4.12	Đường nhánh TDP Riong Se, Tân Tiến, An Lạc, Đoàn Kết, Tiên Phong	120	1,1
4.13	Đường nhánh TDP Cam Ly	120	1,1
4.14	Đường nhánh TDP Hòa Bình, Sơn Hà	120	1,1
4.15	Trục đường chính trong khu tái định cư Cụm công nghiệp (từ lô số 1, 1A đến lô số 110 bản đồ phân lô khu tái định cư)	1.256	1,1
5	Các nhánh của tuyến QL 27		
5.1	Từ nhà ông Thông kiểm lâm (thửa số 116, TBĐ số 78) Gia Thạnh đến hết đường	150	1,5

5.2	Từ nhà ông Tâm Gia Thạnh (thửa số 107, TBD số 78) đến hết đường	259	1,5
6	Từ ngã ba Gia Thạnh đến hết đường		
6.1	- Từ ngã 3 Gia Thạnh (thửa 90, TBD 73) đến cống N1-11	350	1,5
6.2	- Từ cống N1-11 đến ngã tư sặc bình (thửa 151, TBD 52)	259	1,5
7	Đường từ cơ quan cầu đường đến đường Đình Văn - Ba Cánh		
7.1	- Từ cầu đường - kênh N1-11	230	1,4
7.2	- Từ kênh N1-11 đến hết đường (thửa 196, TBD 72)	159	1,3
7.3	Đường từ nhà bà Gléo, TDP Cô Gia (thửa số 493, TBD 69) khu phố Cô Gia đến hết đường	230	1,3
7.4	Đường từ nhà ông Hương, TDP Yên Bình (thửa số 201, TBD 68) đến hết đường	256	1,4
7.5	Đường từ nhà ông Tú, TDP Văn Minh (thửa số 121, TBD 68) đến hết đường	256	1,5
7.6	Đường từ nhà ông Bạch Văn Phương , TDP Văn Minh (thửa số 74, TBD 68) đến hết đường	256	1,3
7.7	Đường từ VLXD Mai Toàn, TDP Văn Minh (thửa số 556, TBD 63) đến hết đường	256	1,4
7.8	Đường từ cống Cổ Gia, TDP Đồng Tâm đến hết đất nhà ông Phạm Văn Bội (thửa số 412, TBD số 67)	209	1,3
7.9	Đường từ nhà bà Nhuận (bưu điện) thửa 463, TBD 62 đến nhà ông Tấu (thửa 123, TBD 66)		
7.10	- Từ QL 27 đến hết đất nhà ông Hòa (thửa số 26, 29, TBD số 66)	256	1,5
7.11	- Đoạn còn lại (hết thửa 26,29, TBD 66 đến hết đường)	230	1,4
8	Đường vào trụ sở UBND huyện và khu phố Se Nhắc		
8.1	- Từ QL 27 đến ngã ba vào khu phố Se Nhắc	2.076	1,6
8.2	- Từ ngã ba vào khu phố Se Nhắc đến hết đất nhà ông Ngô Văn Thao (thửa số 675 ,TBD số 61)	1.457	1,6
8.3	- Đoạn còn lại (từ hết đất nhà ông Thao đến hết đường)	313	1,4
8.4	Đường từ ngã ba khu phố Sê Nhắc đến hết đất ông Phạm Mâu (thửa số 790, TBD số 61)	313	1,4

8.5	Từ Trụ sở thanh tra Huyện đến hết đất ông Nguyễn Thanh Mẫn (thửa số 62, TĐĐ số 66)	313	1,5
8.6	Đường từ đại lý Nguyễn Quang Việt (thửa số 130, TĐĐ số 61) Bô Liêng đến hết đường	300	1,3
9	Đường từ ngã ba Long Hương (thửa số 324, TĐĐ 59) - sông Đa Dâng		
9.1	- Từ QL 27 đến hết đất ông Tân, ngã ba đi Sê Nhắc (thửa số 179, TĐĐ số 61)	313	1,7
9.2	- Đoạn còn lại (thửa 179, TĐĐ 61 đến hết đường)	280	1,7
10	Đường từ nhà ông Quý (QL 27) thửa số 104, TĐĐ số 68 vào hết khu phố Riêng Se		
10.1	- Từ kênh N1-9- hết đất nhà ông Sỹ (thửa số 304, TĐĐ số 21)	250	1,4
10.2	- Đoạn còn lại (hết thửa 304, TĐĐ số 21 đến hết đường)	156	1,3
11	Đường từ nhà ông Chiến (thửa số 424 TĐĐ số 68) đến đập tràn		
11.1	- Đoạn từ nhà ông Chiến (thửa số 424, TĐĐ số 68) đến giáp đất nhà ông Oanh (hết thửa số 181, TĐĐ số 64)	256	1,6
11.2	- Đoạn từ nhà ông Oanh (thửa số 158, TĐĐ số 64) đến giáp đất nhà Cường (hết thửa số 47, TĐĐ số 64)	256	1,4
11.3	- Đoạn từ hết nhà ông Cường Hậu (hết thửa số 47, TĐĐ số 64) đến đập tràn (hết thửa 3 TĐĐ 63)	350	1,6
11.4	- Đường từ nhà ông Bình (hết thửa số 230 TĐĐ số 63) đến hết đường vào đồi độc lập tổ 6 Văn Tâm (thửa 497 TĐĐ 26)	206	1,4
12	Đường từ QL 27 đi đập tràn		
12.1	- Đoạn từ hết đất ông Kim (QL 27) thửa số 83, TĐĐ số 63 - ngã tư	400	1,4
12.2	- Đoạn từ ngã tư đến đập tràn	306	1,3
12.3	Đường từ nhà ông Ba cà phê (thửa số 582, TĐĐ số 63) đường đi đập tràn (thửa số 02, TĐĐ số 63)	206	1,5
12.4	Đường từ nhà ông Niên (thửa số 349, TĐĐ số 62) - giáp đất ông Cảnh (thửa số 196, TĐĐ số 62)	409	1,3
12.5	Đường từ ngã ba hết đất nhà ông Trần Đức Hải (thửa 331, TĐĐ 62) đến kênh tiêu	559	1,5

12.6	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Quế (thửa số 101, TĐĐ số 62) đến nhà ông Hòa bên xe	256	1,5
12.7	Đường từ hết đất nhà ông Lanh (thửa số 245, TĐĐ số 62) - nương tiêu	670	1,3
12.8	Đường từ VLXD sang (thửa số 150, TĐĐ số 62) - nương tiêu	900	1,5
12.9	Đường từ quán Quyền Lương (thửa số 150, TĐĐ số 62) - nương tiêu (phía đông chợ Lâm Hà)	1.550	1,6
12.10	Đường từ Ngân Hàng - nương tiêu	900	1,5
12.11	Đường từ ngã 4 Long Hương (thửa 266, TĐĐ số 59) - ruộng khu phố Bò Liêng	350	1,6
12.12	Đường từ VLXD Lâm Hà đến hết đường vào xóm ông Du Hành	258	1,5
13	Đường từ nhà ông Trác (thửa số 01, TĐĐ số 56 (giáp trại giống) đi nghĩa trang dân tộc khu phố Bò Liêng - Se Nhắc		
13.1	- Từ hết đất nhà ông Dui đến cống N1 - 1	209	1,5
13.2	- Cống N1-1 đến hết khu dân cư gần nghĩa trang.	150	1,5
14	Đường từ ngã ba bệnh viện đi đoàn kết		
14.1	Từ hết nhà ông Hiện QL 27 đến hết cống N1-9	550	1,5
14.2	Cống N1-9 đến ngã ba ông Tống Văn Dũng (thửa số 400, TĐĐ số 27)	350	1,5
14.3	Đoạn còn lại	200	1,5
15	Đường đi ngã ba Nam Hà		
15.1	Từ hết đất nhà ông Bùi Thanh Chương đến nghĩa trang TT Đình Văn	300	1,5
15.2	Đoạn còn lại	200	1,4
16	Đường nhánh của Đình Văn - Ba Cánh		
16.1	Đường từ nhà ông Hào (thửa số 499, TĐĐ số 63) - hết đường	140	1,5
16.2	Đường từ nhà ông Nguyễn Thanh Trúc (thửa 248,TĐĐ 71)-hết đường	140	1,5
16.3	Đường từ nhà ông Hồ Đức Vinh (thửa 118,TĐĐ 76)-hết đường	140	1,5
16.4	Đường từ nhà ông Ha Pút B (thửa 37,TĐĐ 81)-hết đường	140	1,5
16.5	Đường từ nhà ông Minh Hoàng (thửa 51,TĐĐ 82)-hết đường	140	1,5
16.6	Đường từ nhà ông Nhung (thửa 285,TĐĐ 84)-hết đường	140	1,5
16.7	Đường từ nhà ông Trần Đình Hạ (thửa số 297, TĐĐ số 67) - hết đường	159	1,5

16.8	Đường từ trường Đình Văn V (thửa 154, TBD 67) đến hết đường	159	1,5
16.9	Đường từ nhà ông Đình Văn Tiến (thửa 331, TBD 67) đến hết đường	159	1,5
16.10	Đường từ nhà ông Nguyễn Quang Việt (thửa 235, TBD 67) đến hết đường	159	1,5
16.11	Đường từ nhà ông Miên (thửa 12, TBD 71) đến hết đường	180	1,5
16.12	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Tuyên (thửa 275, TBD 67) đến hết đường	159	1,5
16.13	Đường từ nhà bà Khuru Thị Huru (thửa 317, TBD 68) đến hết đường	159	1,5
16.14	Đường từ nhà ông Nguyễn Long (thửa 345, TBD 68) đến hết đường	159	1,5
16.15	Đường từ nhà bà Lê Thị Hậu (thửa 369, TBD 68) đến hết đường	159	1,5
16.16	Đường từ nhà ông Phương (thửa 96, TBD 71) đến hết đường	159	1,5
17	Đường từ cổng ông Hữu (thửa số 46, TBD 76) - hết TDP ContáchĐặng		
17.1	- Từ cổng ông Hữu (thửa 46, TBD 76) đến hết đất nhà ông Trương Đồng (thửa 407, TBD 20)	350	1,5
17.2	- Từ hết nhà ông Trương Đồng (hết thửa 407, TBD) đến hết đất nhà ông Tư Sài Gòn (hết thửa 158, TBD 12)	300	1,5
17.3	- Từ cổng nhà ông Tư Sài Gòn (hết thửa 158, TBD 12)-đến sông Đa Dâng	200	1,2
17.4	Từ nhà ông Vinh (thửa 118, TBD số 76) đến nhà K Hai (thửa 135, TBD 76) TDP Văn Hà	140	1,5
17.5	Từ nhà ông Diệu (thửa 171, TBD số 83) đến hết đường	140	1,5
17.6	Đường từ nhà ông Đỗ Văn Dũng (thửa 46, TBD 83) - hết đường	140	1,5
17.7	Đường từ hết đất bà Liệp (thửa 343, TBD 86-cổng N1/10) đến hết đường	155	1,5
17.8	Đường từ quán ông Vinh (thửa 56, TBD 88) đến hết đất ông Lóng (thửa 162, TBD 90)	154	1,5
17.9	Đường từ ngã tư xạc bình đến quán ông Hữu Anh (thửa 303, TBD 86)	154	1,5
18	Các đường nhánh của TL725		
18.1	Đường từ ngã ba nhà máy nước đến hết đường.	209	1,3
18.2	Đường từ ngã ba xưởng cưa ông Huệ đến hết đường.	250	1,3
II	THỊ TRẤN NAM BAN		

1	Đất dọc đường tỉnh lộ 725 - Đường Điện Biên Phủ		
1.1	Từ giáp xã Mê Linh đến ngã 3 đi trường tiểu học Từ Liêm	331	1,7
1.2	Từ ngã 3 đường vào Trường tiểu học Từ Liêm đến ngã ba đi THCS Từ Liêm	529	1,9
1.3	Từ ngã ba đi trường THCS Từ Liêm đến giáp vườn chè (hết thửa 282 và 331 TĐĐ25)	794	1,9
1.4	Từ vườn chè (thửa 60 TĐĐ25) đến ngã ba Đông Anh II (ông Viên)	1.190	1,9
1.5	Từ ngã ba đường Đông Anh II (ông Viên) đến Trạm biến thế điện Thị trấn Nam Ban	1.588	1,9
1.6	Từ hết Trạm biến thế điện Thị trấn Nam Ban đến cầu Xay xát (hết thửa 282 và 266 TĐĐ 36)	1.190	1,8
1.7	Từ cầu Xay xát (thửa 281 và 267 TĐĐ 36) đến ngã 4 đường đi vào khu Chi Lăng - Thành Công(ngã tư nông trường 4 cũ)	794	1,9
1.8	Từ ngã 4 (nông trường 4 cũ) đến trụ sở UBND TT Nam Ban hiện nay (ngã ba công TDP văn hóa Ba Đình)	926	1,9
1.9	Từ ngã ba công văn hóa Ba Đình đến Gia Lâm	1.323	1,9
2	Đất trục đường liên xã		
2.1	Ngã ba Đông Từ đến ngã 4 Hùng Vương	210	1,5
2.2	Từ ngã 4 Hùng Vương đến giáp xã Đông Thanh	210	1,6
2.3	Đoạn từ ngã 4 NT4 cũ đến ngã ba đường vào xóm Hà Bắc(chi Lăng III)	110	1,5
2.4	Từ ngã ba vào xóm Hà Bắc (Chi Lăng III) đến ngã 3 Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi)	95	1,7
2.5	Từ ngã ba Chi Lăng II (đi xã Nam Hà và Thác Voi) đến dốc võng (giáp xã Nam Hà)	94	1,7
2.6	Từ bùng binh đường ĐT 725 đến cổng chùa Linh Ấn	595	1,5
2.7	Từ cổng chùa Linh Ấn đến đỉnh dốc công an (Thửa 28 TĐĐ số 57)	159	1,5
2.8	Từ đỉnh dốc công an (hết thửa số 28 từ ĐĐ 57) đến ngã ba Chi lăng 2 (đi Nam Hà- Thác voi)	93	1,5
2.9	Đường từ ngã ba Nông trường 4 cũ đến cầu Thanh Trì (giáp xã Đông Thanh)	139	1,3
3	Đường Liên Thôn khu TDP		

3.1	Đường từ ngã ba ĐT 725 đến trường tiểu học Từ Liêm	136	1,4
3.2	Từ trường tiểu học Từ Liêm đến hồ Từ Liêm.	99	1,3
3.3	Đường từ ngã 4 Hùng Vương đến cầu Đông Anh 3.	99	1,5
3.4	Đường từ ngã 3 Đông Thanh II (Nhà ông Viên) đến ngã 3 Liên Do (thửa 170 BD 22)	248	1,1
3.5	Đường từ ngã ba (cổng nhà văn hóa TDP Đông Anh I xuống sinh 78 Đông Anh 1) đến trường tiểu học Nam Ban II	462	1,1
3.6	Đường từ tiểu học Nam Ban II đến hồ Bãi Công TDP Thành Công	99	1,5
3.7	Đường từ sau chợ Thăng Long cạnh nhà bà Đinh (thửa số 451, TĐĐ số 08) tới ngã ba giáp đất nhà ông Bùi Đức An Đông Anh II	248	1,3
3.8	Đường từ ngã ba đối diện cổng trường tiểu học Nam Ban I đường liên khu Trung Vương - Thăng Long đến cổng vào TDP văn hóa Trung Vương (Phân viện Nam Ban)	206	1,1
3.9	Đường từ ngã 3 Chi Lăng I giáp đường xuống hồ Bãi Công đến Bãi Công - Thành Công.	99	1,5
3.10	Đường từ ngã 4 vào trường mầm non II đến chùa Linh Ấn (đường liên khu Ba Đình)	216	1,4
3.11	Đường từ TDP văn hóa Ba Đình vào trường THPT Thăng Long	277	1,4
3.12	Đường từ ngã ba cổng văn hóa TDP Bạch Đằng đến ngã 3 đường liên TDP Bạch Đằng - Thăng Long.	132	1,3
3.13	Đường từ ngã ba xóm Hà Bắc đến giáp xã Mê Linh	99	1,5
3.14	Đường từ ngã ba nhà ông Hữu (thửa số 79, tờ BD 19) đến ngã ba đi xóm Hà Bắc (cạnh Nhà trẻ TDP Chi Lăng III)	88	1,4
3.15	Đường từ hồ Bãi Công đến đến giáp xã Mê Linh	88	1,4
3.16	Đường từ ngã ba (sân bóng Chi Lăng II - III) đến ngã ba đường đi Nam Hà.	83	1,5
3.17	Đường từ ngã ba nhà ông Sắc đến ngã ba giáp đất nhà ông An (Đông Anh II)	129	1,3
3.18	Đường từ ngã ba giáp nhà ông An (Đông Anh II) đến giáp xã Đông Thanh	88	1,5

3.19	Đường từ ngã ba giáp nhà ông Luân - Hiệp đến hồ Từ Liêm	132	1,1
3.20	Đường từ ngã ba trường THCS Từ Liêm đến ngã ba đi Đông Anh I , hồ Từ Liêm	132	1,3
3.21	Đường từ hồ Từ Liêm đến đường liên TDP Đông Anh I	70	1,5
3.22	Đường từ ngã ba giáp quán sửa xe ông Cấn Đình Dũng đến Trường TH Nam Ban II	416	1,1
3.23	Đường ngã ba giáp nhà ông Hễ (thửa số 137, TĐĐ 31) đến ngã ba giáp đất nhà ông Tuyển (thửa số 182, TĐĐ 31)	70	1,5
3.24	Đường từ ngã ba nhà văn hóa Bạch Đằng đến thửa số 231 TĐĐ 33 (Sinh 78 khu Đông Anh I)	88	1,5
3.25	Từ ngã ba đất nhà ông Trần Quang Cái (thửa 01 TĐĐ 11) đến Hồ Từ Liêm 2	75	1,5
3.26	Từ ngã ba TL 725 nhà Tinh - Hải (thửa số 44 TĐĐ 12) đến ngã ba TL 725 nhà văn hóa Từ Liêm 1	75	1,5
3.27	Từ ngã ba TL 725 nhà văn hóa Từ Liêm 2 đến giáp xã Mê Linh	88	1,5
3.28	Từ cầu Đông Anh 3 đến giáp xã Mê Linh	75	1,7
3.29	Từ ngã ba TL 725 nhà Cúc - Ảnh (thửa số 102 TĐĐ 25) đến ngã ba trường TH Nam Ban 2	138	1,5
3.30	Từ ngã ba Hồ Văn Bảo (thửa số 166 tờ ĐĐ 38) đến đình dốc ông Tài (Thửa số 136 TĐĐ 43)	88	1,7
3.31	Từ ngã ba TL 725 nhà Trung - Thanh (thửa số 67 TĐĐ 51) đến ngã ba nhà ông Toàn - Thuộc (thửa số 311 TĐĐ 51)	138	1,3
3.32	Từ ngã ba TL 725 giáp trụ sở UBND TT Nam Ban đến giáp xã Gia Lâm (Cầu Treo)	176	1,3
3.33	Từ ngã 4 trường Mầm non 2 đến ngã ba nhà ông Đỗ Văn Lộc (thửa số 3 TĐĐ 56)	110	1,7
3.34	Từ ngã ba nhà tình nghĩa (thửa số 194 tờ ĐĐ 41) đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Hùng (thửa số 56 tờ ĐĐ 40)	75	2,0
3.35	Từ ngã ba nhà văn hóa Chi Lăng 1 đến nhà ông Trần Như Nhung (thửa số 459 TĐĐ 20)	75	2,0

3.36	Từ ngã ba đường liên xã nhà bà Thảo (thửa số 01 TĐĐ 33) đến nhà ông Lục (thửa số 285 TĐĐ 20)	75	2,0
3.37	Ngã ba đường liên xã (nhà bà Tuyết Hợi) đến Hồ bà Huân	75	2,0
3.38	Từ ngã ba nhà văn hóa Chi Lăng 2 đến ngã 3 Vinh - Dừa (thửa 161 TĐĐ 31)	75	2,0
3.39	Từ ngã ba nhà ông Tình đến đất nhà ông Bùi Văn Tuấn (thửa 55 TĐĐ 31)	75	2,0
3.40	Từ ngã ba nhà ông Vũ Văn Vượng (thửa 265 TĐĐ 16) đến đất nhà ông Nguyễn Văn Trọng (thửa số 31 BĐ 17)	75	2,0
3.41	Từ ngã ba TL 725 nhà ông Lê Thế Bồi đến đất nhà ông Lê Phú Tiềm	104	1,5
3.42	Từ ngã ba nhà Liên Do (thửa số 170 BĐ 22) đến ngã 4 Hùng Vương (đi Đông Anh 3 -xã Đông Thanh)	154	1,5
3.43	Từ ngã ba nhà Lê Trung Kiên (thửa số 22 TĐĐ 22) đến ngã ba nhà ông Cao Xuân Khải (thửa số 6 TĐĐ 9)	75	2,0
3.44	Đường bê tông khu dân cư sân bóng (cũ)	953	2,0
3.45	Đường từ ngã ba đường liên xã Đất ông Quang (Thửa 98 TĐĐ số 31) đến hồ bà Huân (thửa số 243 TĐĐ số 32)	75	1,5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Việt